

Số:            /BC-BTNMT

Hà Nội, ngày    tháng 12 năm 2022

**BÁO CÁO**  
**Tổng kết công tác năm 2022,**  
**phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2023**  
**ngành tài nguyên và môi trường**

**Phần thứ nhất**

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2022**

Trong năm 2022, thực hiện phương châm "Đoàn kết kỷ cương, chủ động thích ứng, an toàn hiệu quả, phục hồi phát triển" và 06 quan điểm, trọng tâm chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã theo sát tình hình thực tiễn, phát huy tinh thần đổi mới, sáng tạo, chủ động trong triển khai các chủ trương, chính sách, pháp luật; kịp thời trong phản ứng chính sách để giải quyết các những vấn đề vướng mắc phát sinh trong phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh có liên quan đến công tác quản lý nhà nước của ngành. Trong đó, Bộ đặt trọng tâm vào đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật; lập và triển khai công tác quy hoạch; tiếp tục đề xuất các giải pháp, khơi thông các điểm nghẽn nhằm quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài nguyên, phục vụ trực tiếp cho quá trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội sau đại dịch. Kết quả cụ thể như sau:

**1. Đổi mới, hoàn thiện đồng bộ chủ trương, chính sách, pháp luật về tài nguyên và môi trường tạo động lực để nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao**

Bộ đã phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương triển khai việc tổng kết, trình Ban chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao; chủ trì, phối hợp với các Ban, Bộ, ngành trình Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đồng thời xây dựng trình Chính phủ Chương trình, kế hoạch hành động để tổ chức thực hiện đưa các Nghị quyết vào thực tiễn cuộc sống<sup>1</sup>.

<sup>1</sup> Chính phủ ban hành Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 22/7/2022 về thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 497/QĐ-TTg triển khai thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 25/9/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khí tượng thủy văn. Trình Chính phủ xem xét ban hành Nghị quyết Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của BCH Trung

Xây dựng trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 4 Dự án Luật đất đai (sửa đổi)<sup>2</sup> và tiếp thu ý kiến của Đại biểu Quốc hội hoàn thiện báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội để tổ chức lấy ý kiến Nhân dân. Hoàn thành việc tổng kết thi hành Luật Tài nguyên nước năm 2012 và sửa đổi Luật tài nguyên nước gửi Bộ Tư pháp thẩm định đề trình Chính phủ vào tháng 1/2023; trình Chính phủ đề trình Quốc hội đề nghị sửa đổi bổ sung Luật Khoáng sản năm 2010.

Bộ đã trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ **05** Nghị định, **02** Quyết định<sup>3</sup> và ban hành theo thẩm quyền **19** Thông tư, tạo lập hành lang pháp lý đồng bộ triển khai Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, giải quyết hài hòa giữa phát triển kinh tế, bảo vệ, cải thiện chất lượng môi trường, cân bằng sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế; thiết lập hành lang pháp lý cho kinh tế tuần hoàn, thể chế hóa các cam kết của Việt Nam, huy động sự tham gia của các bên trong ứng phó với biến đổi khí hậu, chuyển đổi mô hình phát triển.

Với phương châm hướng về địa phương, cơ sở lắng nghe từ thực tiễn, tôn trọng thực tiễn, lấy thực tiễn làm thước đo, Bộ đã chủ động cùng với các địa phương rà soát các chồng chéo, thiếu thống nhất trong hệ thống pháp luật, những quy định có vướng mắc trong tổ chức thực hiện đề xuất Chính phủ xem xét ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai, Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển để tiếp tục khơi thông các dòng lực, phát huy các nguồn lực tài nguyên, thu hút các nguồn lực đầu tư cho phát triển, phục hồi kinh tế; bảo vệ môi trường chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Ở địa phương, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các tỉnh đã ban hành 551 văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường tạo lập hệ thống pháp luật về tài nguyên và môi trường ngày càng đồng bộ, thống nhất, đi vào cuộc sống<sup>4</sup>.

Tập trung triển khai xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ quy hoạch sử dụng tài nguyên nước quốc gia và các lưu vực sông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030,

---

ương Đảng Khóa XIII về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao.

<sup>2</sup> Tờ trình số 307/TT-CP ngày 08/9/2022

<sup>3</sup> Gồm: (1) Nghị định số 04/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; KTTV; đo đạc và bản đồ; (02) Nghị định số 06/2022/NĐ-CP quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn; (03) Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT; (4) Nghị định số 45/2022/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT; (05) Nghị định số 68/2022/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ TN&MT và (01) Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg về danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; (02) Quyết định số 10/2022/QĐ-TTg quy định về trình tự, thủ tục chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với quy mô dưới 500 ha; đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ đầu nguồn dưới 50 ha.

<sup>4</sup> Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành 128 văn bản, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã ban hành 423 văn bản chủ yếu quy định chi tiết thi hành Luật bảo vệ môi trường, quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và các văn bản dưới Luật.

tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch bảo vệ môi trường thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tổng thể khai thác sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ giai đoạn 2021 -2030 và tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050; Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

## **2. Kiện toàn tổ chức bộ máy của Bộ theo hướng tinh gọn, giảm tầng nấc trung gian, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý.**

Bộ đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22/9/2022 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường; trong đó, tổ chức lại 04 tổng cục trực thuộc Bộ, gồm: Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Tổng cục Môi trường, Tổng cục Quản lý đất đai; giải thể Vụ Thi đua, Khen thưởng và Tuyên truyền. Sau khi kiện toàn đã giảm mạnh đầu mối trung gian; giảm số lượng lớn lãnh đạo, quản lý và biên chế tham mưu tổng hợp, hỗ trợ phục vụ 40 tổ chức cục, vụ và tương đương trực thuộc tổng cục và 23 phòng; giảm và bố trí sắp xếp: 20 lãnh đạo cấp tổng cục; 120 lãnh đạo cấp vụ, cục và tương đương thuộc tổng cục và 46 lãnh đạo cấp phòng; chuyển được một số biên chế thực hiện nhiệm vụ tham mưu, tổng hợp, hỗ trợ phục vụ sang thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

Các địa phương đã kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường đảm bảo thống nhất quản lý của ngành, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương. Ngành đã tổ chức 43 khóa bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo, cập nhật kiến thức cho gần 3.500 lãnh đạo, công chức, viên chức.

## **3. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa nền hành chính, chuyển đổi số, phân cấp gắn với kiểm soát việc thực hiện**

Với tinh thần cải cách, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã đề xuất và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định hoạt động kinh doanh và phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong 06 lĩnh vực: đất đai, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, biển và hải đảo và đa dạng sinh học. Theo đó, đến năm 2025, Bộ sẽ cắt giảm, đơn giản hóa 82 thủ tục hành chính<sup>5</sup>. Bộ đã trình Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Công bố cắt giảm, đơn giản hóa 40% TTHC, giảm thời gian thực hiện các TTHC từ 20 - 85 ngày đối với thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường. Về cải cách hành chính của Bộ năm 2021 (Paindex) đạt **87.14/100** điểm xếp thứ **6/17** Bộ, cơ quan ngang bộ; chỉ số đánh giá chuyển đổi số (DTI 2021) xếp thứ 7/17 Bộ, cơ quan ngang bộ (tăng 8 bậc). 100% các DVCTT đủ điều kiện

<sup>5</sup> Trong đó: lĩnh vực đất đai là 13 thủ tục; lĩnh vực địa chất và khoáng sản là 28 thủ tục; lĩnh vực tài nguyên nước là 21 thủ tục; lĩnh vực khí tượng thủy văn là 09 thủ tục; lĩnh vực biển và hải đảo là 10 thủ tục; lĩnh vực đa dạng sinh học là 01 thủ tục

mức độ 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ được cung cấp trực tuyến. Theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ, Bộ đã cung cấp 100% DVCTT đủ điều kiện toàn trình.

Toàn ngành đã thực hiện tái cấu trúc quy trình và thống nhất mô hình, cách thức triển khai kết nối, tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) sử dụng xác thực, chia sẻ dữ liệu từ CSDLQG về dân cư đối với thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh; ban hành văn bản hướng dẫn các địa phương, hoàn thành triển khai kết nối, tích hợp, cung cấp DVCTT sử dụng xác thực, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đối với thủ tục hành chính ở 49/63 tỉnh/thành phố. Hoàn thành triển khai kết nối, chia sẻ Cơ sở dữ liệu đất đai với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư ở 56/63 tỉnh/thành phố với dữ liệu của 309/705 đơn vị cấp huyện, 4.267/10.599 đơn vị cấp xã.

Triển khai, vận hành, bảo đảm an toàn thông tin nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ (LGSP), kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân và các hệ thống thông tin của Bộ: cung cấp 205 dịch vụ, thực hiện 11.652.500 giao dịch; xử lý, giải quyết 301.500 văn bản đến, 69.400 hồ sơ, văn bản đi; tỷ lệ văn bản điện tử gắn ký số đạt xấp xỉ 100%, cấp cho đơn vị, cá nhân tổng số 3.090 chứng thư số.

Hạ tầng số, các nền tảng số được vận hành ổn định và tiếp tục hiện đại hóa đáp ứng yêu cầu về tính toán, lưu trữ, xử lý sử dụng chung cho tất cả các đơn vị thuộc Bộ, hỗ trợ Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương đem lại lợi ích, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm. Công tác an toàn thông tin, bảo vệ an ninh mạng được quan tâm, không để xảy ra các sự cố lớn, các sự cố nhỏ được khắc phục kịp thời.

Các địa phương từng bước chuyển dịch mô hình dịch vụ công sang thực hiện cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm<sup>6</sup> tập trung chỉ đạo đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, với nhiều giải pháp hiệu quả, liên thông thủ tục, rút ngắn thời gian, đáp ứng sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp. Trung bình mỗi năm cơ quan tài nguyên và môi trường cấp tỉnh, cấp huyện tiếp nhận và giải quyết hơn **8,4 triệu** thủ tục hành chính; tỷ lệ trả hồ sơ đúng hạn đạt trung bình trên **95%**. Có **61/63** tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện liên thông thủ tục đất đai với các tổ chức tín dụng trong thanh toán nghĩa vụ tài chính kết nối tới Cổng dịch vụ công quốc gia để thực hiện các thủ tục đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên môi trường điện tử. Kết nối dữ liệu đất đai giữa cơ quan Đăng ký đất đai và cơ quan Thuế trong việc xác định nghĩa vụ tài chính tại 24 tỉnh/thành phố<sup>7</sup>.

Những chuyển biến thực chất trong kỷ luật, kỷ cương và cải cách hành chính được đánh giá qua chỉ số hài lòng của người dân doanh nghiệp đối với thủ tục đất

<sup>6</sup> Có 60/63 kiện toàn văn phòng đăng ký một cấp trong đó 03 tỉnh, thành phố là Long An, Lâm Đồng, Bình Dương tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; 33 tỉnh, thành phố, 22 tỉnh, thành phố tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

<sup>7</sup> Hà Nội, Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Thái Nguyên, Phú Thọ, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Đắk Lắk, Bình Dương, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bến Tre, Tiền Giang, Long An, Sóc Trăng; Lạng Sơn; Cần Thơ, Tây Ninh, Lào Cai, Thái Bình, Quảng Trị.

đại và môi trường đạt **88,46%**, tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh phải trả chi phí không chính thức khi thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai tiếp tục giảm **2,6%** (theo báo cáo PCI).

#### **4. Đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc từ thực tiễn**

Đến 15 tháng 12 năm 2022, toàn ngành đã triển khai 839 cuộc thanh tra, kiểm tra đối với 1.483 tổ chức, cá nhân; trong đó có 19 cuộc thanh tra, kiểm tra hành chính và 820 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành. Qua thanh tra, kiểm tra đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính 443 tổ chức, cá nhân với số tiền 38.240 triệu đồng; kiến nghị truy thu nộp ngân sách nhà nước 12.380 triệu đồng; kiến nghị thu hồi 363 ha đất.

Thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết các kiến nghị của nhân dân; tập trung lực lượng giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai phức tạp, đông người; quan tâm giải quyết đối với các vụ việc mới phát sinh, đảm bảo ổn định trật tự, chính trị, xã hội ở các địa phương trong năm diễn ra các sự kiện trọng đại của đất nước. Kết quả, trong 11 tháng đầu năm tiếp nhận 3.105 lượt đơn khiếu nại, tố cáo, tranh chấp<sup>8</sup>, tổ chức tiếp 137 lượt với 220 người, 18 lượt đoàn đông người với 85 người. Báo cáo Thủ tướng Chính phủ 06 vụ việc, cử đoàn thẩm tra, xác minh 20/20 vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ tướng Chính phủ. Thành lập Đoàn công tác thẩm tra, xác minh 98/120 vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ. Ban hành quyết định giải quyết 10 vụ việc.

#### **5. Chủ động tham gia có trách nhiệm vào các cơ chế hợp tác, đón đầu các cơ hội từ xu thế phát triển, đưa Việt Nam trở thành quốc gia tiên phong trong khuôn khổ hợp tác mới về chuyển đổi xanh**

Phân tích, dự báo các xu thế phát triển của thời đại, luật chơi mới của toàn cầu chủ động hợp tác hội nhập đón các cơ hội tiếp cận các hỗ trợ kỹ thuật, khoa học, công nghệ, tri thức và các dòng vốn cho phát triển, chuyển dịch kinh tế - xã hội của đất nước, khai thác sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu nhất là trong triển khai thực hiện các cam kết của Việt Nam tại COP26.

Thúc đẩy đàm phán và đạt được cam kết hỗ trợ 15,5 tỷ USD từ các đối tác hỗ trợ cho chuyển đổi năng lượng công bằng, khai thác tiềm năng lợi thế về tài nguyên gió, thúc đẩy chuyển đổi xanh, phát triển các ngành kinh tế dựa vào hệ sinh thái, giảm phát thải khí nhà kính. Giúp Việt Nam trở thành một hình mẫu phát triển, cắt giảm khí thải, tạo việc làm và động lực tăng trưởng mới, mang đến một tương lai sạch hơn, xanh hơn cho Việt Nam và cao hơn là bảo vệ sức khỏe, chất lượng sống và an toàn, thịnh vượng cho Nhân dân trước các tác động của môi trường và biến đổi khí hậu.

Tập trung nghiên cứu, tiếp nhận, chuyển giao khoa học công nghệ về

<sup>8</sup> Trong đó có 59 đơn thuộc lĩnh vực môi trường, 35 đơn thuộc lĩnh vực khoáng sản và 3.011 đơn thuộc lĩnh vực đất đai (chiếm 96,97%).

quản lý không gian, khoa học về trái đất, khí tượng thủy văn. Tập trung xây dựng các quy chuẩn quốc gia về môi trường, khoáng sản, khí tượng thủy văn; nghiên cứu các mô hình công nghệ trong xử lý chất thải phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương. Nhà khoa học của ngành được vinh danh nhà khoa học nữ tài năng của thế giới năm 2022.

## **6. Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực từ đất đai, tài nguyên đáp ứng yêu cầu phục hồi, tái cơ cấu nền kinh tế**

### **6.1. Phân bổ hợp lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai, chủ động quỹ đất đón các làn sóng đầu tư, phát triển phục hồi sau đại dịch**

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về “Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao”. Giải quyết tháo gỡ các vướng mắc từ thực tiễn quản lý, sử dụng đất đai để phát huy nguồn lực cho phát triển. Trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội<sup>9</sup> quyết định chủ trương việc chuyển chuyển mục đích sử dụng đất rừng và đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên của Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 và Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về trình tự, thủ tục, chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với quy mô dưới 500 ha; đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ đầu nguồn dưới 50 ha thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố Hải Phòng, Thanh Hóa, Nghệ An, Cần Thơ và Khánh Hòa.

Để đảm bảo quỹ đất cho thu hút đầu tư, phát triển, toàn ngành đã tập trung triển khai Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025<sup>10</sup>; lập Kế hoạch quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện. Đến nay, đã có 554/701 đơn vị cấp huyện hoàn thành việc lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Cả nước đã thực hiện chuyển dịch gần 20 nghìn ha đất nông nghiệp sang các mục đích phi nông nghiệp; khai thác gần 30 nghìn ha đất chưa sử dụng để phát triển rừng đưa diện tích đất có rừng lên 15.440 nghìn ha, chiếm 46,59% diện tích tự nhiên của cả nước; kiểm tra xử lý thu hồi, hủy bỏ chủ trương đầu tư đối với các dự án chậm triển khai, chậm đưa đất vào sử dụng với diện tích trên 10 nghìn ha. Năm 2022 mặc dù Chính phủ đã thực hiện các giải pháp miễn giảm, giãn hoãn thu tiền thuê đất, tuy nhiên nguồn lực đất đai tiếp tục đóng góp quan trọng trong cơ cấu thu ngân sách quốc gia đạt 270,13 nghìn tỷ, chiếm 20,09% tổng thu nội địa.

Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện tốt công tác đo đạc,

<sup>9</sup> Tờ trình số 153/TTr-CP ngày 28/4/2022, số 248/TTr-CP ngày 08/7/2022; Nghị quyết số 273/NQ-UBTVQH ngày 11/7/2022.

<sup>10</sup> Trình Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 05/9/2022 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025.

đăng ký, cấp Giấy chứng nhận, thực hiện đề án sắp xếp đất đai có nguồn gốc nông, lâm trường; kịp thời hướng dẫn tháo gỡ các vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; chấn chỉnh hoạt động đầu giá quyền sử dụng đất, rà soát xử lý tình trạng lãng phí, đất đai để hoang hóa<sup>11</sup>. Kết nối cơ sở dữ liệu đất đai của 24/63 địa phương với Công thông tin dịch vụ công quốc gia; thực hiện liên thông trong thanh toán nghĩa vụ tài chính với cơ quan Thuế, tổ chức tín dụng tại 61/63 tỉnh, thành phố.

### ***7.2. Tập trung triển khai các chủ trương, giải pháp đảm bảo an ninh nguồn nước***

Tổng kết thi hành và sửa đổi Luật Tài nguyên nước; trình Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 201/2013/NĐCP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước. Trình Thủ tướng Chính phủ quy hoạch tài nguyên nước quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và lưu vực sông Hồng - Thái Bình, sông Cửu Long.

Hoàn thành, công bố báo cáo tài nguyên nước quốc gia (lần đầu) và Đề án bảo vệ nước dưới đất ở các đô thị lớn đánh giá đầy đủ, toàn diện, chi tiết hiện trạng nước dưới đất cũng như các nội dung về quản lý, sử dụng tài nguyên nước dưới đất ở tại 17 đô thị lớn, trọng điểm của nước ta làm cơ sở dữ liệu quan trọng phục vụ xây dựng, ban hành các quy định kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật lĩnh vực điều tra tài nguyên nước dưới đất; bảo vệ nước dưới đất.

Ban hành các quy định và triển khai công bố danh mục các ao, hồ, không được san lấp và công bố các khu vực bảo vệ nguồn nước. Hoàn thành xây dựng hệ thống giám sát tài nguyên nước, giám sát khai thác, sử dụng; thanh, kiểm tra; tăng cường giám sát bằng hình thức tự động, trực tuyến đối với các hồ thủy lợi, thủy điện có dung tích lớn. Thực hiện kinh tế hóa, thúc đẩy sử dụng tài nguyên nước hiệu quả thông qua cấp quyền khai thác tài nguyên nước. Trong 11 tháng đầu năm 2022, đã phê duyệt tiên cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho các tổ chức, cá nhân cho 80 công trình với tổng số tiền là 755.061 triệu đồng.

Chủ động nghiên cứu đề xuất giải pháp tổng thể để thực hiện chủ trương, chính sách trong quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn nước sông Mê Công; tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động hợp tác về quản lý nguồn nước xuyên biên giới thông qua các cơ chế hợp tác Mê Công; tổ chức thành công Phiên họp Hội đồng Ủy hội sông Mê Công quốc tế và các Phiên họp quốc tế liên quan tại Việt Nam.

### ***7.3. Triển khai chiến lược địa chất, khoáng sản; điều tra các loại khoáng sản chiến lược, đáp ứng nguồn cung về nguyên liệu khoáng sản cho các ngành kinh tế, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng***

Trình Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 22/7/2022 của Chính phủ về việc ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW và đề nghị xây dựng Luật Khoáng sản (sửa đổi). Trình Thủ tướng Chính phủ Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm

<sup>11</sup> Năm 2018, cả nước có 141.922 ha đất của các dự án chậm triển khai, để lãng phí; đến nay cả nước còn còn 27.968 ha.

nhìn đến năm 2050. Triển khai lập, khoan định khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; thực hiện các cơ chế đặc thù về khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, cơ bản tháo gỡ được vướng mắc về nguồn vật liệu đất đắp nền đường phục vụ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 và các Dự án đã được Quốc hội, Chính phủ cho phép áp dụng cơ chế đặc thù.

Điều tra tổng thể về khoáng sản và hoàn thiện nền bản đồ địa chất tỷ lệ 1/50.000 vùng Tây Bắc và Trung Trung Bộ. Đánh giá đặc điểm cấu trúc địa chất, địa chất công trình, đề xuất các giải pháp khai thác, sử dụng lãnh thổ, phục vụ xây dựng và phát triển hạ tầng dải ven bờ biển Việt Nam. Đánh giá tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng, san lấp phục vụ các dự án đường cao tốc và hạ tầng giao thông, xây dựng; điều tra, khảo sát, đánh giá tiềm năng, trữ lượng các loại khoáng sản là kim loại, đất hiếm phục vụ cho việc sản xuất pin, lưu trữ năng lượng, ứng dụng trong lắp ráp các thiết bị, phương tiện thân thiện với môi trường đón đầu xu thế chuyển dịch năng lượng trên thế giới. Nguồn thu từ khai thác khoáng sản do các tổ chức, cá nhân nộp vào ngân sách Nhà nước là **4.115** tỷ đồng), đạt 131,5%; ngành công nghiệp khai khoáng tăng 6,5% so với năm 2021, đóng góp 1 điểm phần trăm cho tăng trưởng chung.

#### ***7.4. Khởi thông, phát huy các tiềm năng, lợi thế cho phát triển các ngành kinh tế biển***

Trình Chính phủ dự thảo Chiến lược khai thác bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. rà soát, đánh giá thực tiễn sửa đổi Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 40/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, Nghị định số 11/2021/NĐ-CP quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển để tháo gỡ các vướng mắc cho phát triển các ngành kinh tế biển, ven biển, khai thác tiềm năng điện gió, sóng ngoài khơi<sup>12</sup>. Xây dựng Quy hoạch tổng thể khai thác sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

Triển khai thực hiện các dự án, nhiệm vụ thuộc Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030. Phát huy tiềm năng, lợi thế để phát triển các ngành kinh tế biển, phát triển hành lang kinh tế ven biển trở thành khu vực phát triển năng động, thu hút nguồn lực đầu tư trong nước và nước ngoài, tạo động lực phát triển, mở cửa, hội nhập quốc tế, hình thành và phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp gắn với hình thành chuỗi đô thị ven biển.

Phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương tổ chức Diễn đàn Phát triển bền vững Kinh tế biển Việt Nam năm 2022; sơ kết đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết

<sup>12</sup> Theo kết quả khảo sát của chương trình đánh giá về năng lượng cho Châu Á của Ngân hàng Thế giới (WB), Việt Nam có tiềm năng gió trung bình so với các nước trên thế giới và trong khu vực nhưng thuộc diện lớn nhất trong khu vực Đông Nam Á với tổng tiềm năng điện gió ước đạt 513.360 MW, lớn gấp 200 lần công suất của nhà máy thủy điện Sơn La và hơn 10 lần tổng công suất dự báo của ngành điện Việt Nam năm 2020. Trong đó, khu vực ven biển cực Nam Trung Bộ có mật độ năng lượng khoảng 400-600W/m<sup>2</sup>. Ngoài ra trên khu vực vịnh Bắc Bộ cũng có mật độ năng lượng đạt 300-400W/m<sup>2</sup>.

số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

## **8. Hoàn thiện đồng bộ từ chủ trương, giải pháp, tạo chuyển biến mạnh mẽ từ nhận thức và tư duy hành động trong bảo vệ môi trường (sửa đổi).**

Ban hành đồng bộ các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Tổ chức các Hội nghị, Hội thảo tập huấn cho các địa phương trong tổ chức thực hiện các quy định mới của Luật; xây dựng kế hoạch xử lý, cải tạo, phục hồi khu vực ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng. Trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất. Hoàn thiện Đề án tăng cường năng lực quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại Việt Nam theo chính sách, quy định mới của Luật bảo vệ môi trường hướng tới phát triển kinh tế tuần hoàn, rác thải là tài nguyên được tái chế, tái sử dụng thay cho chôn lấp trực tiếp.

Giám sát môi trường đối với các dự án, cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm, sự cố ô nhiễm môi trường cao<sup>13</sup>; hoàn thành xử lý triệt để 372/435 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; 91% số KCN đang hoạt động có công trình xử lý nước thải tập trung đi vào hoạt động đạt tiêu chuẩn môi trường với tổng công suất tối đa đạt khoảng 1,24 triệu m<sup>3</sup> nước thải/ngày đêm; số KCN đang triển khai xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung (chiếm tỷ lệ 2,4%); KCN có hệ thống quan trắc nước thải tự động (chiếm tỷ lệ 90,5%); KCN đã được xác nhận hoàn thành hoặc đang vận hành thử nghiệm các công trình BVMT (chiếm tỷ lệ 88,6%); KCN đã có công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, hồ sự cố theo quy định (chiếm tỷ lệ 28%). Cả nước hiện có 162/735 CCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung (đạt tỷ lệ 22%)<sup>14</sup>; 39/162 CCN có hệ thống quan trắc tự động (chiếm tỷ lệ 24%, năm 2016 chưa có CCN nào); 292/735 (chiếm tỷ lệ 39,7%) CCN có báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc đề án BVMT. Phối hợp với Bộ Công an kiểm tra xử lý tình trạng xả thải gây ô nhiễm môi trường Bắc Hưng Hải; triển khai kế hoạch, biện pháp cụ thể với sự tham gia liên ngành và địa phương để giải quyết tình trạng gia tăng ô nhiễm lưu vực sông. Nghiên cứu đề xuất các cơ chế, chính sách, phù hợp để thu hút đầu tư đẩy nhanh việc cải tạo, phục hồi các lưu vực sông bị ô nhiễm. Xây dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, hướng dẫn mô hình, công nghệ xử lý, tái chế xử lý chất thải rắn thân thiện môi trường, công nghệ đốt rác thu hồi năng lượng, giảm dần việc xử lý chất thải bằng phương pháp chôn lấp. Đến nay, đã có 11 nhà máy xử lý rác thải theo mô hình đốt rác phát điện được triển khai ở Hà Nội, Cần Thơ, TP. Hồ Chí Minh, Bắc Ninh, Đà Nẵng, Thái Nguyên, Phú Thọ, ... với công suất trên 16 nghìn tấn/ngày, công suất phát điện 270 MW<sup>15</sup>. Số vụ việc vi

<sup>13</sup> Gồm: Công ty TNHH Khai thác Chế biến khoáng sản Núi Pháo; Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh; Trung tâm điện lực Vĩnh Tân, Trung tâm Điện lực Duyên Hải, Trung tâm Điện lực Sông Hậu, Khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên.

<sup>14</sup> Công văn số 2093/BCT-ATMT ngày 21/4/2022 của Bộ Công Thương.

<sup>15</sup> Nhà máy xử lý chất thải Nam Sơn, huyện Sóc Sơn, Hà Nội; Khu xử lý rác xã Hòa An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang; khu xử lý chất thải Tây Bắc Củ Chi, TP. HCM; Khu xử lý chất thải Tây Bắc Củ Chi, TP.HCM; khu xử lý rác thải tại xã Xuân Trường, huyện Thới Lai, TP Cần Thơ; khu xử lý chất thải xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; khu xử lý chất thải rắn Xuân Sơn, xã Tân Lĩnh, huyện Ba Vì, TP. Hà Nội; khu xử lý bãi rác Khánh Sơn, Đà Nẵng; khu xử lý xã Minh Đức, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; khu xử lý rác thải xã Trạm Thán, huyện Phù Ninh, tỉnh

phạm pháp luật về môi trường gây ô nhiễm môi trường giảm 65,38% so với năm 2021<sup>16</sup>, tỷ lệ người dân quan ngại về môi trường giảm mạnh (từ 12,53% năm 2016 xuống 4,03% năm 2021 xuống còn 1,55% năm 2022), các ngành công nghiệp tái chế phát triển đạt mức tăng 11,3% so với năm 2021, đưa Việt Nam trở thành quốc gia đứng thứ 10 về tái chế kim loại, nhựa, giấy và thủy tinh đặt nền móng cho phát triển kinh tế tuần hoàn<sup>17</sup>.

Bảo vệ có 172 khu bảo tồn với tổng diện tích hơn 2.4 triệu ha, gồm 31 vườn quốc gia, 64 khu dự trữ thiên nhiên, 16 khu bảo tồn loài và sinh cảnh và 55 khu bảo vệ cảnh quan; 09 khu vực được công nhận là khu dự trữ sinh quyển thế giới. Quy hoạch được công nhận là khu dự trữ sinh quyển thế giới. Qệu ha, gồm 31 vườn quốc gia, 64 khu dự .

### **9. Dự báo, cảnh báo chính xác tình hình thiên tai phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, chủ động phòng tránh, giảm thiểu thiệt hại, tổn thất**

Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 25/9/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác KTTV đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc và Chiến lược phát triển Ngành KTTV đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Trình Chính phủ Đề án Cảnh báo sớm trượt lở đất đá, lũ quét các khu vực miền núi trung du Việt Nam phục vụ quy hoạch di dời các điểm, khu dân cư, các cơ sở sản xuất, hệ thống kết cấu hạ tầng thiết yếu ra khỏi các vùng, khu vực có nguy cơ thiên tai, tai biến địa chất, sạt lở, sụt lún. Hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ Quy hoạch mạng lưới trạm KTTV quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Đề án hiện đại hóa ngành KTTV đến năm 2025 và thời kỳ 2026 - 2030.

Mạng lưới trạm KTTV quốc gia từng bước được hiện đại với 1.814 trạm/điểm quan trắc, trong đó số lượng trạm KTTV được tự động từ 01 đến 08 yếu tố là 1.443 trạm, 10 radar thời tiết, 179 trạm quan trắc môi trường không khí và nước và 18 trạm định vị sét; mạng lưới trạm quan trắc tài nguyên môi trường biển hiện có là 04 trạm (trong đó có 01 trạm Trung tâm). Ngành đã chủ động hội nhập, tham gia và có nhiều đóng góp sáng kiến trong phát triển khí tượng thủy văn toàn cầu và hợp tác song phương<sup>18</sup> trao đổi kinh nghiệm, dữ liệu để nâng cao công tác dự báo. Tổng Thư ký Liên hợp quốc đánh giá cao hệ thống cảnh báo sớm trong

---

Phú Thọ; khu xử lý rác thải xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; khu xử lý chất thải rắn Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây, TP. Hà Nội; nhà máy điện rác Sóc Sơn, Hà Nội; Nhà máy điện rác Hậu Giang; Nhà máy xử lý chất thải Vietstar; Nhà máy điện rác Tâm Sinh Nghĩa; Nhà máy xử lý chất thải rắn Cần Thơ; Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt công nghệ cao phát năng lượng; Nhà máy điện rác Xuân Sơn; Nhà máy điện rác Đà Nẵng; Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp và y tế tỉnh Thái Nguyên; Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt, phát điện Phù Ninh, Phú Thọ; Khu liên hợp xử lý chất thải công nghiệp và chất thải sinh hoạt Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; Nhà máy điện rác Seraphin Xuân Sơn, Hà Nội.

<sup>16</sup> Theo báo cáo của Chính phủ về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật năm 2022 số lượng vụ việc vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường gây ô nhiễm môi trường giảm từ 260 vụ năm 2021 xuống còn 90 vụ năm 2022.

<sup>17</sup> Báo cáo đánh giá các chỉ số EPI (Emvironmental Performance Index của đại học Yale Hoa Kỳ).

<sup>18</sup> Là thành viên của WMO và tham gia Chương trình Thủy văn quốc tế (IHP), Ủy hội sông Mê Công quốc tế (MRC), Ủy ban Bắc Châu Á - Thái Bình Dương (Typhoon Committee)...Hợp tác hiệu quả với Ngành KTTV của các nước như Đức, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan, Nga, Ailen, Úc, Na Uy, Thái Lan...

giảm thiểu rủi ro thiên tai của Việt Nam và sự hỗ trợ, kết nối về dự báo của Việt Nam trong khu vực.

Chất lượng dự báo thời tiết, thủy văn chi tiết đến các huyện, thị trên cả nước; cung cấp kịp thời các bản tin dự báo KTTV, cảnh báo về các hiện tượng thời tiết nguy hiểm cho các cơ quan, ban, ngành Trung ương, địa phương, các phương tiện thông tin đại chúng phục vụ công tác chỉ đạo phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai. Trong đó, cảnh báo mưa lớn trước đến ba ngày với độ tin cậy khoảng 75%; dự báo, cảnh báo trước rét đậm, rét hại từ hai đến ba ngày với độ tin cậy từ 80% đến 90%; dự báo, cảnh báo lũ trên các sông khu vực miền trung, Tây Nguyên trước từ 24 giờ đến 48 giờ, khu vực Bắc Bộ trước từ ba đến năm ngày với độ tin cậy từ 70% đến 85%... đặc biệt dự báo, cảnh báo sớm tác động của siêu bão mạnh nhất trong vòng 20 năm qua trên Biển Đông.

Công bố báo cáo tiềm năng năng lượng tái tạo của Việt Nam với tổng năng lượng trực xạ và bức xạ tổng cộng khá lớn với tổng năng lượng trong khoảng 3.000 đến 5.000 Wh/m<sup>2</sup>/ngày; tiềm năng điện gió ước đạt 513.360 MW, lớn gấp 200 lần công suất của nhà máy thủy điện Sơn La và hơn 10 lần tổng công suất dự báo của ngành điện Việt Nam năm 2020.

## **10. Tập trung triển khai các chủ trương, giải pháp chuyển đổi xanh, giảm phát thải dựa trên nguyên tắc công bằng, công lý, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu**

Triển khai cam kết của Việt Nam về giảm phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050, chủ động hội nhập với "luật chơi" mới về thương mại, đầu tư toàn cầu đã được xác lập kể từ sau Hội nghị COP26, thúc đẩy tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng xanh, bền vững, ngành Tài nguyên và Môi trường đã tập trung tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định 06/2022/NĐ-CP quy định về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn; Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính, phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050<sup>19</sup>; Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị COP26 về biến đổi khí hậu<sup>20</sup>; Kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2030<sup>21</sup>; Hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia<sup>22</sup>. Phối hợp với Bộ Tài chính tiếp tục hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thành lập thị trường các-bon tại Việt Nam theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành đàm phán thúc đẩy các hoạt động hỗ trợ từ Chính phủ, các tổ chức, thu hút đầu tư từ khối tư nhân để hỗ trợ quá trình chuyển dịch xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu của Việt Nam; đồng thời tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế và các cơ hội thâm nhập thị trường các nước G7, EU của hàng hóa Việt Nam trước các tiêu chuẩn về giảm phát thải (theo cơ chế điều chỉnh

<sup>19</sup> Quyết định số 896/QĐ-TTg, ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ

<sup>20</sup> Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ

<sup>21</sup> Quyết định số 942/QĐ-TTg, ngày 05/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ

<sup>22</sup> Quyết định số 148/QĐ-TTg, ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ

biên giới các-bon). Đẩy mạnh huy động các hỗ trợ của các định chế tài chính quốc tế như ADB, CitiBank, HSBC, SCB, BIDV, IFC... để triển khai các cam kết tại COP26. Thu hút dòng vốn đầu tư trong và ngoài nước với 55 nhà đầu tư đề nghị khảo sát xúc tiến các hoạt động đầu tư phát triển điện gió ngoài khơi; đã giao các khu vực biển để thực hiện các dự án điện gió gần bờ theo thẩm quyền (Cà Mau 8 dự án; Bạc Liêu 3 dự án; Trà Vinh 5 dự án; Sóc Trăng 3 dự án; Bến Tre 4 dự án; Tiền Giang 1 dự án...).

### **11. Chủ động tham gia các nhiệm vụ quản lý biên giới, địa giới; tập trung hiện đại hóa công tác quản lý dữ liệu thông tin địa lý quốc gia; ứng dụng công nghệ viễn thám phục vụ quản lý, giám sát tài nguyên, môi trường**

Triển khai Dự án Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính; Xây dựng cơ sở dữ liệu địa giới hành chính của các tỉnh; Dự án “Đầu tư hạ tầng xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia phục vụ xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia và Chính phủ điện tử” kịp thời cung cấp dữ liệu nền địa lý các tỷ lệ cho các Bộ, ngành, địa phương phục vụ công tác lập quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch chuyên ngành, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, xây dựng hạ tầng số, chuyển đổi số. Phối hợp với Ủy ban Biên giới quốc gia trong các hoạt động khảo sát, xác định hướng đi của đường biên giới đất liền. Chuẩn bị tư liệu, tài liệu tham gia cùng tham gia đàm phán, giải quyết các vấn đề với các nước có liên quan trên biên Đông. Kiểm tra, khảo sát việc xây dựng hàng rào của Trung Quốc tại khu vực biên giới giữa hai nước đảm bảo chủ quyền lãnh thổ Việt Nam, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị.

Hoàn thành bàn giao kết quả Dự án “Khôi phục và hoàn thiện hệ thống độ cao quốc gia Campuchia” giai đoạn 2 cho Vương quốc Campuchia đáp ứng kịp thời công tác quy hoạch, phát triển kinh tế - xã hội, góp phần quan trọng và hiệu quả công tác quản lý biên giới lãnh thổ theo tinh thần “Hợp tác láng giềng tốt đẹp, đoàn kết hữu nghị truyền thống, ổn định lâu dài”.

Điều tra khảo sát bổ sung, xây dựng bản đồ dị thường động lực các vùng biên Việt Nam phục vụ phát triển kinh tế biển và an ninh quốc phòng; Ứng dụng công nghệ viễn thám kết hợp phương pháp địa vật lý - hải dương xác định dịch chuyển bờ ngầm và địa chất tầng nông đới bờ phục vụ đánh giá, dự báo xâm thực bờ biển và đề xuất một số giải pháp phòng, chống xâm thực dải ven biển Việt Nam. Ứng dụng công nghệ viễn thám trong giám sát, quản lý tài nguyên, quản lý quy hoạch, tôn thương do biến đổi khí hậu, Đánh giá rủi ro và Giám sát môi trường cho Việt Nam.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Kết quả đạt được**

Năm 2022 với đầy khó khăn thách thức nhưng với sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, chỉ đạo điều hành sâu sát của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự phối hợp của các Bộ, ngành, đặc biệt là nỗ lực, quyết tâm vào cuộc của các địa phương, của toàn ngành với phương châm "Đoàn kết kỷ cương, chủ động thích ứng, an toàn hiệu quả, phục hồi phát triển" và 06 quan điểm, trọng tâm chỉ đạo điều hành của Chính phủ, toàn ngành đã đạt được các thành tựu nổi bật: (1) Hoàn

thiện các chủ trương, chính sách, pháp luật, chiến lược, quy hoạch; kịp thời trong phản ứng chính sách, chủ động đề xuất tháo gỡ khó khăn, vướng mắc bằng thể chế tạo thêm động lực cho phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid-19; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, công trình trọng điểm của quốc gia; (2) Chủ động thực hiện sớm các giải pháp để đảm bảo các yếu tố đầu vào cho nền kinh tế như quỹ đất, nguyên liệu, vật liệu, nguồn nước cho sản xuất kinh doanh, công nghiệp khai khoáng tiếp tục có đóng góp cho tăng trưởng; nguồn thu từ tài nguyên đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước đóng góp 15% thu ngân sách nội địa góp phần đáp ứng các cân đối với lớn cho nền kinh tế; (3) Khai thác tiềm năng lợi thế của các vùng biển, các địa phương có biển được phát huy đã trở thành khu vực phát triển năng động, thu hút nguồn lực đầu tư trong nước và nước ngoài, tạo động lực phát triển, mở cửa, hội nhập quốc tế, hình thành và phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp gắn với hình thành chuỗi đô thị ven biển và các trung tâm năng lượng tái tạo; (4) Hoàn thành chỉ tiêu 91% khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung theo yêu cầu của Quốc hội; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom xử lý tại khu vực đô thị đạt khoảng **96,37%** (cao hơn so với chỉ tiêu Quốc hội giao **89%**); đã có 11 nhà máy xử lý, đốt rác phát điện được khởi công; số vụ việc vi phạm pháp luật về môi trường gây ô nhiễm môi trường giảm 65,38%, tỷ lệ người dân quan ngại về môi trường giảm từ 12,53% năm 2016 xuống còn 4,03% năm 2020 và đến nay còn 1,55%; (5) Kết nối, chia sẻ Cơ sở dữ liệu đất đai với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư ở 54 tỉnh/thành phố<sup>23</sup>; đang triển khai ở 09 tỉnh, thành phố; số hóa dữ liệu địa chính của 219 đơn vị hành chính cấp huyện, đang triển khai tại 250 đơn vị hành chính cấp huyện; số hóa dữ liệu nền địa lý ở các tỷ lệ 1/25 000 và 1/50 000. (6) Chủ động dự báo sớm, đủ độ chi tiết, độ tin cậy cao trong cảnh báo mưa lớn, bão, lũ trên các sông và các hình thái thời tiết cực đoan; (7) Chủ động triển khai các chiến lược, kế hoạch về ứng phó với biến đổi khí hậu, chuyển đổi năng lượng công bằng, thu hút đầu tư ngoài nước cho phát triển năng lượng sạch; đồng thời tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế và các cơ hội thâm nhập thị trường các nước G7, EU của hàng hóa Việt Nam trước việc áp dụng cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon (CBAM), huy động sự hỗ trợ của các định chế tài chính.

## 2. Tồn tại, hạn chế và thách thức

Việc triển khai số hóa dữ liệu đất đai còn chậm mới hoàn thành ở 31% số đơn vị hành chính cấp huyện, đang triển khai dự kiến hoàn thành trọng năm 2023 hơn 250 đơn vị hành chính cấp huyện. Cần có sự quyết tâm và quan tâm đầu tư từ của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và hỗ trợ từ Trung ương.

Tình trạng lãng phí tài nguyên như: đất đai của các dự án chậm đưa vào sử dụng, để hoang hóa, đất của các nông lâm trường, các dự án bị dừng thực hiện sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; tài nguyên khoáng sản còn bị khai thác trái phép,

<sup>23</sup> Đã hoàn thành triển khai: An Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bến Tre, Bình Định, Bình Dương, Cà Mau, Cao Bằng, Đắk Lắk, Điện Biên, Hà Nam, Hà Tĩnh, Hải Dương, Hưng Yên, Lạng Sơn, Lào Cai, Long An, Nam Định, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Sơn La, Tây Ninh, Thái Bình, Thái Nguyên, Thừa Thiên Huế, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, Yên Bái, TP. Cần Thơ, TP. Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh, TP. Đà Nẵng, Bắc Giang, Bắc Ninh, Ninh Bình, Gia Lai, Khánh Hòa, Phú Yên, Đồng Nai

chưa được chế biến sâu để mang lại hiệu quả kinh tế cao; tài nguyên nước còn sử dụng lãng phí, hiệu quả sử dụng tài nguyên nước còn thấp so với các nước trong khu vực nhất là trong nông nghiệp. Tiềm năng về kinh tế biển chưa được phát huy đầy đủ. Khiếu kiện liên quan đến đất đai có xu hướng giảm so với trước đây nhưng vẫn chiếm tỷ lệ lớn.

Việc tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đặt ra yêu cầu phải thực hiện các cam kết về môi trường; do đó cần có lộ trình để nâng cao các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường; lộ trình chuyển đổi công nghệ các cơ sở sản xuất lạc hậu gây nguy cơ ô nhiễm môi trường cao. Sự gia tăng của chất thải, khí thải, nước thải áp lực lớn lên vấn đề môi trường sẽ chưa giảm trong thời gian ngắn.

Biến đổi khí hậu, thiên tai diễn biến nhanh; các tác động dài hạn đã được dự báo, nhận diện, tuy nhiên những tác động ngắn hạn là khó lường, khó dự báo. Tình trạng thiếu nước, hạn hán, thiên tai sẽ còn tiếp diễn nghiêm trọng, tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Để thực hiện các nỗ lực ứng phó với BĐKH cần nguồn lực đầu tư rất lớn. Để giảm phát thải khí nhà kính đến 27% vào năm 2030 so với kịch bản phát triển thông thường, Việt Nam cần bổ sung vốn đầu tư ban đầu khoảng 68,8 tỷ USD.

## **Phần thứ hai**

### **CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG NĂM 2023**

#### **I. BỐI CẢNH VÀ CÁC THÁCH THỨC**

Năm 2023 là bản lề, có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy mạnh thực hiện và phấn đấu hoàn thành mục tiêu của các kế hoạch 5 năm 2021-2025, góp phần triển khai các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) 10 năm 2021-2030. Tình hình thế giới năm 2023 dự báo tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường cả về chính trị, an ninh, kinh tế, xã hội. Biến đổi khí hậu, thiên tai, suy giảm hệ sinh thái tự nhiên đang trở thành tình trạng khẩn cấp trên toàn cầu. Các quốc gia ngày càng quan tâm thúc đẩy tăng trưởng xanh, giảm phát thải. Các tiêu chuẩn khắt khe về môi trường, phát thải sẽ là rào cản đối với hàng hóa, sản phẩm của Việt Nam khi tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu và thâm nhập vào các thị trường các nước phát triển, nhưng đây cũng là cơ hội để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi mô hình phát triển theo xu thế của thời đại với hỗ trợ về công nghệ, nguồn vốn của các nước phát triển.

Ở trong nước, có những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Sức ép lạm phát, tỷ giá, lãi suất gia tăng; giá nhiều yếu tố đầu vào, chi phí sản xuất kinh doanh tiếp tục xu hướng tăng; nhiều vấn đề tồn đọng kéo dài và mới phát sinh cần phải tập trung giải quyết...

Trong bối cảnh đó ngành tài nguyên và môi trường tiếp tục tiếp tục đặt trọng tâm năm 2023 là năm **“Chủ động, hội nhập, sáng tạo, quyết liệt, hiệu quả”** để đẩy mạnh chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, phát huy các nguồn lực tài nguyên và

môi trường cho tương lai bền vững.

## II. MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ

### 1. Mục tiêu

Phân đầu hoàn thành các mục tiêu đặt ra:

(i) Trình Quốc hội thông qua dự án Luật Đất đai (sửa đổi), Luật Tài nguyên nước (sửa đổi); trình Chính phủ dự án Luật Địa chất và Khoáng sản; ban hành các văn bản dưới Luật giải quyết các vướng mắc đặt ra từ thực tiễn. Phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương Tổng kết đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

(ii) Đơn giản hóa 15% - 20% thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ thủ tục trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo mục tiêu đặt ra; chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm; 63/63 tỉnh thành phố kết nối liên thông thủ tục thanh toán nghĩa vụ tài chính với cơ quan thuế, tổ chức tín dụng; thực hiện cung cấp dịch vụ công thiết yếu như cấp giấy chứng nhận khi thực hiện các quyền theo hình thức trực tuyến ở 30/63 tỉnh thành phố.

(iii) Phân đầu đưa vào vận hành hệ thống thông tin đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thống nhất, tập trung, kết nối liên thông giữa các ngành; hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu ở 600 đơn vị hành chính cấp huyện; vận hành công thông tin địa lý quốc gia, dữ liệu quan trắc, điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường.

(iv) Giải quyết căn bản tình trạng lãng phí đất đai, tài nguyên; chỉ số hài lòng của người dân doanh nghiệp đối với thủ tục đất đai và môi trường tăng **2-3%**.

(v) Nâng cao chỉ số tiếp cận đất đai. Chuẩn hóa các quy trình điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với các thủ tục thiết yếu về đăng ký cấp giấy chứng nhận khi thực hiện các quyền.

(vi) Cải thiện các chỉ số thành phần môi trường; **92%** khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung; **96%** chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn; **40%** rác thải sinh hoạt được xử lý theo mô hình đốt rác, phát điện, tái chế thay cho chôn lấp.

(vii) **100%** hồ chứa thủy điện lớn đang vận hành được kiểm soát, giám sát trực tuyến; khoảng **600** hồ chứa thủy điện, thủy lợi được xác định và công bố dòng chảy tối thiểu sau đập.

(viii) **65%** số trạm quan trắc khí tượng thủy văn được tự động hóa để từng bước hình thành mạng lưới quan trắc KTTV hiện đại và tự động hoàn toàn, kết nối, chia sẻ số liệu với các nước trong khu vực, trên thế giới; 100% thiên tai bão, lũ, được giám sát, dự báo, cảnh báo kịp thời, đủ độ tin cậy; hình thành mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn kết nối trong lưu vực sông Mê Công; tăng cường năng lực giám sát môi trường, khí tượng thủy văn.

(ix) **39%** diện tích vùng biển được điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển ở tỷ lệ bản đồ 1:500.000; **75%** diện tích đất liền được lập bản đồ địa chất

khoáng sản ở tỷ lệ 1:50.000.

(x) Tiếp tục miễn, giảm tiền sử dụng đất, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Nguồn thu từ tài nguyên và môi trường đóng góp **18% - 20%** thu ngân sách nội địa.

## **2. Các giải pháp đột phá**

Để góp phần thực hiện thắng lợi các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023 ngành tài nguyên và môi trường đặt quyết tâm chủ động vượt qua thách thức, biến thách thức thành cơ hội. Toàn ngành xác định các khâu đột phá để tăng tốc phát triển là:

(1) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thể chế, đảm bảo đồng bộ, thống nhất, rõ ràng, minh bạch; trong đó tập trung xây dựng, trình Quốc hội Luật đất đai sửa đổi, Luật Tài nguyên nước sửa đổi, Luật Địa chất và Khoáng sản; tháo gỡ các nút thắt, điểm nghẽn trong quy định của pháp luật, xây dựng hệ thống quy hoạch đồng bộ để giải phóng, phát huy các nguồn lực tài nguyên cho phát triển kinh tế, xã hội.

(2) Chuyên đổi số, xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường; xây dựng, vận hành hệ thống thông tin đất đai (MPLIS), số hóa hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và các cơ sở dữ liệu quan trọng, cấp bách tạo nền tảng phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh.

(3) Chủ động hội nhập với các xu thế của thời đại, huy động các nguồn lực xã hội, hỗ trợ quốc tế thực hiện chuyên đổi số, chuyên đổi xanh.

## **II. CÁC NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH NĂM 2023**

### **1. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả, phát huy các nguồn lực tài nguyên**

#### ***1.1. Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả cao nhất tài nguyên đất đai đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa***

Tập trung triển khai các nhiệm vụ giải pháp Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao và Nghị quyết số 39/2021/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025, rà soát chỉ tiêu sử dụng đất căn cứ vào khả năng thu hút đầu tư, yêu cầu phát triển của từng vùng, từng địa phương, phát huy các nguồn lực từ đất đai trong tầm nhìn dài hạn, đảm bảo không gian sinh tồn, sinh thái và không gian phát triển, tăng đóng góp cho tăng trưởng kinh tế của cả nước và từng địa phương.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyên đổi số và nâng cao năng lực quản lý nhà nước về đất đai. Tập trung đầu tư, bao gồm cả giải pháp bố trí nguồn thu từ

đất cho xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; đưa vào vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia tập trung, thống nhất, đa mục tiêu; kết nối liên thông thực hiện thủ tục hành chính về đất đai với cơ quan thuế, tổ chức tín dụng.

Tiếp tục rà soát, xử lý tình trạng lãng phí đất đai, đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh; các dự án vi phạm pháp luật đất đai; các dự án có vướng mắc sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán,... Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tập trung thanh tra xử lý nghiêm minh các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật, tham nhũng, lãng phí; tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ để giải quyết tình trạng những nhiễu gây bức xúc trong dư luận.

Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao năng lực các tổ chức dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai. Tăng cường điều tra, đánh giá xác định các tài nguyên đất nhất là các khu vực bị suy thoái nghiêm trọng để có các giải pháp cải tạo phục hồi; kiểm kê quỹ đất chưa sử dụng, đất bãi bồi ven sông, ven biển để quản lý, sử dụng hiệu quả cho các mục đích phát triển. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; các tổ chức chính trị - xã hội trong quản lý và sử dụng đất, nhất là trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải quyết khiếu nại.

### ***1.2. Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên nước bảo đảm an ninh nguồn nước***

Hoàn thành xây dựng, trình Chính phủ xem xét, trình Quốc hội Luật Tài nguyên nước (sửa đổi). Thực hiện đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia. Tập trung xây dựng, trình Thủ tướng phê duyệt quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Đồng Nai, Ba, Vu Gia - Thu Bồn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050. Theo dõi, giám sát trực tuyến vận hành các hồ chứa thủy điện lớn; biến động về dòng chảy, chất lượng nước đối với các nguồn nước liên quốc gia; thúc đẩy hợp tác quốc tế trong quản lý, sử dụng nguồn nước xuyên biên giới. Quản lý các hoạt động khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên nước, bảo đảm an ninh nguồn nước.

Tập trung triển khai, thực hiện việc cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho các tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, nước dưới đất. Tổ chức triển khai có hiệu quả các cơ chế điều phối, giám sát liên ngành trong quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ nguồn nước lưu vực sông. Triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, hợp tác chia sẻ hài hòa nguồn nước xuyên biên giới.

### ***1.3. Tăng cường điều tra địa chất phục vụ cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên khoáng sản chiến lược***

Xây dựng trình Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết Luật Khoáng sản; trình Thủ tướng Chính phủ Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; hoàn thành rà soát để điều chỉnh, bổ sung khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia theo Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 06/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ, trình phê duyệt khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia theo quy định của Nghị định số 51/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ.

Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước kết hợp huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong xã hội và ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong điều tra cơ bản, địa chất môi trường, địa chất tai biến, địa chất công trình, không gian ngầm đô thị ở một số vùng trọng điểm phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; đánh giá các loại khoáng sản chiến lược, vật liệu cho công nghiệp năng lượng, công nghiệp bán dẫn; nghiên cứu, đánh giá trữ lượng và khai thác vật liệu thay thế cát phục vụ san lấp cho các dự án hạ tầng. Đẩy mạnh hợp tác, học tập kinh nghiệm quốc tế trong nghiên cứu, điều tra các khoáng sản ẩn sâu; xây dựng cơ sở dữ liệu địa chất, khoáng sản, không gian ngầm và quản trị tài nguyên khoáng sản; khảo sát hang động, điều tra, khảo sát các di sản địa chất; cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản.

Số hóa dữ liệu điều tra cơ bản và quản lý tập trung, thống nhất cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên địa chất, khoáng sản. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, xem xét trách nhiệm đối với các tổ chức, cá nhân để xảy ra sai phạm trong quản lý, sử dụng khoáng sản và các hoạt động liên quan đến địa chất, khoáng sản. Thu hồi giấy phép khai thác, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm trong hoạt động khai thác khoáng sản, nhất là lợi dụng để đầu cơ, tích trữ, nâng giá, thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước và nhân dân.

#### ***1.4. Triển khai Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, chú trọng phát triển các ngành kinh tế biển, điện gió ngoài khơi.***

Tổ chức sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Hoàn thiện các quy định về quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường biển thiết lập hành lang pháp lý, quy hoạch cho phát triển các ngành kinh tế biển, hành lang kinh tế ven biển, khai hoang, lấn biển phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, kiểm soát khai thác tài nguyên biển, phục hồi hệ sinh thái biển, gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo.

Điều tra khảo sát, quy hoạch, lập kế hoạch phát triển các trung tâm điện gió, hydrogen xanh để khai thác tài nguyên năng lượng trực xạ và bức xạ (khoảng 3.000 đến 5.000 Wh/m<sup>2</sup>/ngày), tài nguyên gió (tổng tiềm năng điện gió ước đạt 513.360 MW), chủ động đón dòng vốn hỗ trợ 15,5 tỷ USD từ Nhóm đối tác quốc tế về chuyển dịch năng lượng công bằng (JETP).

Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đến năm 2030. Xây dựng chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ có phạm vi liên tỉnh. Khảo sát đánh giá tài nguyên biển ở một số khu vực trọng điểm, tạo lập hành lang pháp lý thuận lợi thu hút các nguồn vốn, công nghệ, để khai thác tiềm năng điện gió ngoài khơi, hình thành một số trung tâm năng lượng tái tạo, phát triển các ngành kinh tế biển.

**2. Đẩy mạnh chuyển đổi xanh, từng bước phục hồi các hệ sinh thái; thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong thập kỷ phát triển bền vững.**

Tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả Luật BVMT 2020, huy động sự tham gia của toàn dân trong công tác bảo vệ môi trường; triển khai đồng bộ, hiệu quả các chế định mới của Luật nhằm sàng lọc dự án đầu tư và chủ động phòng ngừa, kiểm soát, giảm thiểu nguy cơ xảy ra ô nhiễm, đặc biệt các dự án có yếu tố nhạy cảm liên quan đến bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, chuyển đổi đất rừng

Trình ban hành quy định về tiêu chí tiếp cận cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh và các cơ chế khuyến khích các dự án công nghệ cao, ít phát thải, dự án theo mô hình tuần hoàn. Tổ chức thực hiện các quy hoạch về môi trường, phân vùng môi trường làm cơ sở thẩm định, thực hiện các dự án đầu tư đảm bảo hạn ngạch xả thải ra môi trường.

Thúc đẩy thu hút đầu tư phát triển hạ tầng về môi trường, xử lý tái chế chất thải rắn, rác thải sinh hoạt theo đề án quản lý chất thải rắn. Thiết lập hệ thống các trạm quan trắc môi trường không khí, thống kê, kiểm kê khí thải, kiểm soát chặt chẽ các công trình, nguồn thải, phương tiện giao thông giảm thiểu phát tán bụi, khí thải, hỗ trợ nông dân sử dụng phụ phẩm sau thu hoạch; thiết lập các “hàng rào” kỹ thuật môi trường, áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với các phương tiện giao thông, áp dụng công cụ kinh tế để hạn chế việc sử dụng các phương tiện cũ, lạc hậu tại các khu vực đô thị.

Đánh giá khả năng chịu tải, lập phân vùng và hạn ngạch xả nước thải vào môi trường nước mặt; thực hiện các biện pháp giảm thiểu các nguồn thải gây ô nhiễm, phục hồi môi trường các sông, hồ ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Giám sát, kiểm soát bằng công nghệ tự động các nguồn thải từ các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ; kiểm soát chặt chẽ môi trường khu vực tập trung nhiều nguồn thải tại các KCN, CCN, làng nghề, lưu vực sông, xử lý khu vực, điểm nóng về môi trường. Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về BVMT, đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật. Duy trì và tăng cường hiệu quả đường dây nóng tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức và cá nhân về ô nhiễm môi trường của trung ương và địa phương.

Thực hiện các mục tiêu cam kết về bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên trên đất liền và trên biển đã được thế giới chính thức thông qua tại Hội nghị lần thứ 15 các bên tham gia Công ước đa dạng sinh học. Điều tra, kiểm kê đa dạng sinh học, mở rộng áp dụng cơ chế chi trả dịch vụ hệ sinh thái đối với các hệ sinh thái tự nhiên như đất ngập nước, biển, núi đá, hang động và công viên địa chất, thực hiện chương trình, kế hoạch phục hồi, sử dụng bền vững các hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, nhất là rừng ngập mặn, rạn san hô, thảm cỏ biển và các vùng đất ngập nước quan trọng.

### **3. Hiện đại hóa công tác dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn phục vụ phát triển KT-XH, phòng chống thiên tai**

Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển thị trường dịch vụ, công nghệ khí tượng thủy văn theo phương thức đối tác công - tư. Rà soát hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật khí tượng thủy văn và các văn bản quy phạm pháp luật

khác để thực thi hiệu quả Luật Khí tượng thủy văn, tạo hành lang pháp lý cho hoạt động khí tượng thủy văn; tập trung đẩy nhanh tiến độ việc lập quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050; triển khai Chiến lược phát triển ngành Khí tượng Thủy văn giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2045.

Đẩy mạnh chuyển đổi số lĩnh vực khí tượng thủy văn, hoàn thiện phương pháp, quy trình quan trắc, dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu, nước biển dâng, đồng bộ, tự động hóa mạng lưới khí tượng thủy văn. Triển khai điều tra, khảo sát, phục vụ cảnh báo sớm trượt lở đất đá, lũ quét các khu vực miền núi trung du Việt Nam.

#### **4. Triển khai kế hoạch hành động thực hiện cam kết chính trị với các đối tác, tận dụng các thời cơ, chuyển hóa các thách thức, đưa đất nước phát triển trên con đường xanh, chủ động ứng phó trước các thách thức của BĐKH.**

Tiếp tục triển khai thi hành các quy định của Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia về quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát; Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (cập nhật). Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu tại Đề án triển khai kết quả COP26, Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu, Kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê tan. Xây dựng các quy định về quản lý tín chỉ các-bon tại Việt Nam, thúc đẩy phát triển thị trường các-bon trong nước và kết nối với thị trường các-bon khu vực và thế giới. Triển khai đánh giá tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu và tăng cường quản lý các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu. Tổ chức Phiên họp lần thứ 8 Ủy ban liên Chính phủ Việt Nam - Hà Lan về thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý nước.

Xây dựng kế hoạch triển khai cam kết chính trị về chuyển dịch năng lượng công bằng (JETP) để đón dòng vốn hỗ trợ 15,5 tỷ USD từ nguồn tài chính công và tư nhân của các đối tác và đón cơ hội tiếp cận công nghệ, tài chính khác từ cho thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 và phát triển hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu.

#### **5. Hiện đại hóa hạ tầng không gian địa lý; ứng dụng công nghệ viễn thám trong giám sát tài nguyên và môi trường**

Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa ý quốc gia phục vụ xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia và Chính phủ điện tử để kịp thời cung cấp dữ liệu nền địa lý phục vụ phát triển kinh tế xã hội, công tác lập quy hoạch của các bộ, ngành, địa phương; Hoàn chỉnh hệ quy chiếu và Hệ tọa độ quốc gia Việt Nam; xây dựng bộ bản đồ chuẩn và cơ sở dữ liệu bản đồ biên giới quốc gia Việt Nam - Lào.

#### **6. Đổi mới đồng bộ thể chế phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, giải quyết tốt hơn quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với BĐKH.**

Tổ chức tốt việc lấy kiến Nhân dân để hoàn thiện dự án Luật đất đai (sửa đổi) đảm bảo đồng bộ, thống nhất, tổng thể, chiến lược phù hợp với thể chế

kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, tạo động lực cho phát triển. Trình Quốc hội xem xét dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) tại Kỳ họp thứ 5; trình Chính phủ dự án Luật Địa chất và Khoáng sản.

Tiếp tục bám sát yêu cầu thực tiễn, tăng cường phản ứng chính sách, sửa đổi bổ sung kịp thời các quy định chưa phù hợp thuộc thẩm quyền của Chính phủ. Ban hành hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn tiệm cận các nước tiên tiến trong khu vực. Tiếp tục cắt giảm các thủ tục hành chính, tăng cường phân cấp thẩm quyền đi đôi với kiểm tra giám sát, kiểm soát việc thực thi.

Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm quán triệt, thống nhất từ nhận thức đến tổ chức thực hiện; đảm bảo thượng tôn pháp luật; tăng cường sự kiểm tra giám sát của các tổ chức và Nhân dân.

### **7. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy theo chức năng nhiệm vụ và tổ chức mới; thúc đẩy cải cách hành chính, hội nhập**

Tổ chức hoạt động theo quy định mới về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ. Triển khai nhiệm vụ Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ. Thực hiện công tác luân chuyển, sắp xếp, bố trí công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý; tinh giản biên chế; tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức của ngành.

Thực hiện cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, thủ tục kiểm tra chuyên ngành ngay trong xây dựng, trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tạo lập hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất, minh bạch. Thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến nhất là trong lĩnh vực đất đai, môi trường cho người dân, doanh nghiệp.

Thúc đẩy, mở rộng các diễn đàn đối thoại chính sách, tham vấn các nhà đầu tư/tài trợ, phục vụ trao đổi thông tin pháp luật về tài nguyên và môi trường. Triển khai kết quả của Hội nghị COP27 và thúc đẩy các hoạt động hỗ trợ, thu hút đầu tư vào năng lượng sạch, tái tạo; đồng thời tăng sức cạnh tranh và các cơ hội thâm nhập thị trường các nước G7, EU của hàng hóa Việt Nam trước các tiêu chuẩn về phát thải trong sản phẩm hàng hóa (cơ chế áp dụng đánh thuế các-bon đối với hàng hóa nhập khẩu dựa trên lượng các-bon phát thải trong quá trình sản xuất hàng hóa).

### **8. Hoàn thiện, đưa vào vận hành đồng bộ hệ thống hạ tầng thông tin, dữ liệu, mạng lưới quan trắc; thực hiện chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường**

Tập trung xây dựng hệ thống thông tin đất đai kết nối với cơ sở dữ liệu đất đai của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Xây dựng các nền tảng dữ liệu lớn như thông tin địa lý, dữ liệu viễn thám, quan trắc, môi trường, dữ liệu điều tra cơ bản.

Kết nối, liên thông các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành phục vụ phát triển Chính phủ điện tử thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ, quốc gia.

Triển khai hoàn thành các nhiệm vụ được giao tại Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia

giai đoạn 2022-2025 tầm nhìn đến năm 2030.

Tiếp tục hoàn thiện Hạ tầng số, các nền tảng số sử dụng chung; bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ an ninh mạng, giám sát, phòng chống và khắc phục, ứng cứu sự cố kịp thời. Đưa vào sử dụng, vận hành Trung tâm dữ liệu đồng bằng sông Cửu Long.

**9. Nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thực thi pháp luật, đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo, xử lý kịp thời những vấn đề bức xúc từ thực tiễn**

Triển khai Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2023 và các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật, tham nhũng, lãng phí; dự án được giao đất nhưng chậm đưa vào sử dụng, tổ chức được giao đất, cho thuê đất có nguồn gốc đất công; việc bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng; việc chấp hành pháp luật về BVMT đối với loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường; việc quản lý, sử dụng các mỏ khoáng sản đã hết hạn khai thác theo giấy phép; việc xả nước thải vào nguồn nước. Đẩy nhanh tiến độ giám định, định giá trong các vụ việc tố tụng để đưa ra xét xử các vụ việc vi phạm pháp luật về đất đai, tài nguyên, môi trường.

Tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc Thủ tướng Chính phủ giao và các vụ việc thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ; chủ động phối hợp với Thanh tra Chính phủ, các Bộ, ngành khác và các địa phương trong giải quyết các vụ việc khiếu kiện tồn đọng, kéo dài./.

**PHỤ LỤC 01:**

**DANH MỤC CÁC ĐỀ ÁN, VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT NĂM 2023**

*(Kèm theo Công văn số /BTNMT-VP ngày tháng 12 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**A. CÁC ĐỀ ÁN, VĂN BẢN TRÌNH CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

STT	Tên đề án, VBQPPL	Đơn vị chủ trì trình	Đơn vị phối hợp và thẩm định	Thời gian trình		Ghi chú
				Trình Bộ trưởng	Trình CP/TTgCP	
<b>I. Lĩnh vực đất đai</b>						
1	Luật đất đai	Tổng cục Quản lý đất đai	Vụ Pháp chế	Tháng 02	Tháng 3	
2	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai	Tổng cục Quản lý đất đai	Vụ Pháp chế	Tháng 12		
3	Nghị định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi	Tổng cục Quản lý đất đai	Vụ Pháp chế	Tháng 12		
4	Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.	Tổng cục Quản lý đất đai	Vụ Pháp chế	Tháng 12		
<b>II. Lĩnh vực Môi trường</b>						
5	Đề án phát triển công nghiệp sinh học ngành môi trường đến năm 2030	Tổng cục Môi trường	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Tháng 10	Tháng 11	
6	Kế hoạch hành động quốc gia về thực hiện kinh tế tuần hoàn	Viện Chiến lược, Chính sách tài	- Tổng cục Môi trường;	Tháng 10	Tháng 11	

STT	Tên đề án, VBQPPL	Đơn vị chủ trì trình	Đơn vị phối hợp và thẩm định	Thời gian trình		Ghi chú
				Trình Bộ trưởng	Trình CP/TTgCP	
		nguyên và môi trường	- Vụ Pháp chế			
<b>III. Lĩnh vực địa chất và khoáng sản</b>						
7	Luật Địa chất và Khoáng sản	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Vụ Pháp chế	Tháng 9	Tháng 10	
8	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết Luật Khoáng sản	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Vụ Pháp chế	Tháng 5	Tháng 6	
<b>IV. Lĩnh vực Khí tượng thủy văn</b>						
9	Nghị định thay thế Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn.	Tổng cục Khí tượng thủy văn	Vụ Pháp chế	Tháng 10	Tháng 11	
<b>V. Lĩnh vực tài nguyên nước</b>						
10	Luật Tài nguyên nước (sửa đổi)	Cục Quản lý tài nguyên nước	Vụ Pháp chế	Tháng 01	Tháng 01	
11	Xây dựng Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Đồng Nai thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Cục Quản lý tài nguyên nước	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Tháng 9	Tháng 10	

STT	Tên đề án, VBQPPL	Đơn vị chủ trì trình	Đơn vị phối hợp và thẩm định	Thời gian trình		Ghi chú
				Trình Bộ trưởng	Trình CP/TTgCP	
12	Quy hoạch tổng hợp các lưu vực sông Hương thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Cục Quản lý tài nguyên nước	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Tháng 9	Tháng 10	
13	Quy hoạch tổng hợp các lưu vực sông Mã thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Cục Quản lý tài nguyên nước	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Tháng 10	Tháng 11	
<b>VI. Lĩnh vực Biến đổi khí hậu</b>						
14	Quyết định ban hành Kế hoạch quốc gia về quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát.	Cục Biến đổi khí hậu	Vụ Pháp chế	Tháng 9	Tháng 10	
15	Đề án tổ chức Phiên họp lần thứ 8 Ủy ban liên Chính phủ Việt Nam -Hà Lan về thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý nước.	Cục Biến đổi khí hậu	Vụ Hợp tác quốc tế	Tháng 4	Tháng 5	
16	Quyết định ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (cập nhật).	Cục Biến đổi khí hậu	Vụ Pháp chế	Tháng 10	Tháng 11	

**B. CÁC VĂN BẢN, NHIỆM VỤ THUỘC THẨM QUYỀN CỦA BỘ TRƯỞNG**

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì soạn thảo	Đơn vị thẩm định	Tiến độ, thời gian		
				Đăng tải lấy ý kiến	Gửi thẩm định	Trình Bộ trưởng
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN</b>					
1	Thông tư quy định quy định kỹ thuật quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng đối với công trình phải quan trắc khí tượng thủy văn	Tổng cục Khí tượng thủy văn	Vụ Pháp chế			Tháng 5
2	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 39/2016/TT-BTNMT ngày 19/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về quan trắc và điều tra khảo sát xâm nhập mặn	Tổng cục Khí tượng thủy văn	Vụ Pháp chế			Tháng 11
3	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 70/2015/TT-BTNMT ngày 23/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật đối với hoạt động của các trạm khí tượng thủy văn tự động	Tổng cục Khí tượng thủy văn	Vụ Pháp chế			Tháng 11
4	Thông tư thay thế Thông tư số 40/2016/TT-BTNMT ngày 19 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Quy trình kỹ thuật dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong điều kiện bình thường	Tổng cục Khí tượng thủy văn				Tháng 12
<b>II</b>	<b>LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO</b>					

5	Thông tư hướng dẫn điều tra, đánh giá, xác định thiệt hại và lập hồ sơ bồi thường thiệt hại về môi trường do dầu tràn	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam				Tháng 12
<b>III</b>	<b>LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN</b>					
6	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 62/2014/TT-BTNMT ngày 09/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kiểm soát chất lượng các kết quả phân tích mẫu địa chất, khoáng sản	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Vụ Pháp chế	Trước tháng 8/2022	Trước ngày 20/10/2022	Tháng 9
7	Thông tư thay thế Thông tư số 12/2013/TT-BTNMT ngày 05/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giao nộp, thu nhận, lưu giữ, bảo quản và cung cấp dữ liệu về địa chất, khoáng sản và Thông tư số 53/2014/TT-BTNMT ngày 09/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nộp mẫu vật địa chất, khoáng sản vào Bảo tàng Địa chất	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Vụ Pháp chế			Tháng 9
8	Thông tư quy định kỹ thuật về định giá tiềm năng và thăm dò cát biển	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Vụ Pháp chế			Tháng 9
9	Thông tư ban hành quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật về khảo sát chuyên đề Địa tầng phân tập trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và thăm dò khoáng sản	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Vụ Pháp chế			Tháng 10
<b>IV</b>	<b>LĨNH VỰC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU</b>					

10	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2015/TT-BTNMT ngày 06/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng và thực hiện dự án theo Cơ chế tín chỉ chung trong khuôn khổ hợp tác về Tăng trưởng các-bon thấp giữa Việt Nam - Nhật Bản.	Cục Biến đổi khí hậu	Vụ Pháp chế	Trước tháng 7/2022	Trước ngày 20/9/2022	Trước ngày 20/10/2022
11	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thu gom, vận chuyển, lưu giữ, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát.	Cục Biến đổi khí hậu	Vụ Pháp chế			
12	Thông tư quy định việc thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong khuôn khổ Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.	Cục Biến đổi khí hậu	Vụ Pháp chế			
13	Thông tư ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động kiểm kê khí nhà kính; đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính lĩnh vực chất thải.	Cục Biến đổi khí hậu	Vụ Pháp chế			
<b>V</b>	<b>LĨNH VỰC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ</b>					
14	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam				Tháng 6
15	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000, 1:10.000	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam				Tháng 7
16	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:250.000	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam				Tháng 9

17	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:500.000, 1:1.000.000	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Vụ Pháp chế			Tháng 10
18	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:250.000, 1:500.000, 1:1000.000	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam				Tháng 11
19	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Đo đạc trọng lực chi tiết phục vụ công tác đo đạc và bản đồ - Phần đo mặt đất	Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ				Tháng 6
20	Thông tư ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đo đạc trọng lực chi tiết phục vụ công tác đo đạc và bản đồ - Phần đo mặt đất	Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ				Tháng 12
<b>VI</b>	<b>LĨNH VỰC VIỄN THÁM</b>					
21	Thông tư Quy định kỹ thuật giám sát ngập lụt bằng công nghệ viễn thám	Cục Viễn thám quốc gia				Tháng 10
22	Thông tư Quy định kỹ thuật giám sát tình hình khai thác khoáng sản bằng công nghệ viễn thám	Cục Viễn thám quốc gia				Tháng 10
23	Thông tư Quy định kỹ thuật giám sát mực nước lưu vực sông ngoài biên giới	Cục Viễn thám quốc gia				Tháng 10
24	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia xây dựng bộ dữ liệu tính toán phát thải cac bon sử dụng tư liệu viễn thám	Cục Viễn thám quốc gia				Tháng 10
<b>VII</b>	<b>LĨNH VỰC KHÁC</b>					
25	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2020/TT-BTNMT ngày 27/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Quy trình và Định	Cục Công nghệ thông tin và Dữ				Tháng 11

	mức kỹ thuật xây dựng, duy trì, vận hành hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường.	liệu tài nguyên môi trường				
26	Thông tư ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành tài nguyên và môi trường	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Vụ Pháp chế			Tháng 9
27	Thông tư ban hành chế độ báo cáo thống kê ngành tài nguyên và môi trường	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Vụ Pháp chế			Tháng 12

**Phụ lục 2. CÁC ĐỀ ÁN LỚN CẦN TRIỂN KHAI TRONG TOÀN NGÀNH**

<b>TT</b>	<b>Tên văn bản</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>	<b>Tiến độ, thời gian</b>
1	Đề án chuyên đổi số ngành tài nguyên và môi trường	Cục Chuyển đổi số và dữ liệu tài nguyên, môi trường	Các đơn vị trực thuộc Bộ và các Sở TN&MT	2022 - 2025
2	Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin, CSDL tài nguyên và môi trường (giai đoạn I)	Cục Chuyển đổi số và dữ liệu tài nguyên, môi trường Cục Đăng ký đất đai và Dữ liệu tài nguyên, môi trường	Các đơn vị trực thuộc Bộ và các Sở TN&MT	2022 - 2025
3	Trung tâm dữ liệu vùng Đồng bằng Sông Cửu Long tích hợp dữ liệu tài nguyên và môi trường của khu vực phục vụ phân tích, đánh giá hỗ trợ ra quyết định về phát triển bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu	Cục Chuyển đổi số và dữ liệu tài nguyên, môi trường	Các đơn vị trực thuộc Bộ và các Sở TN&MT	2018-2023
4	Đầu tư xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường không khí	Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường	Các đơn vị trực thuộc Bộ và các Sở TN&MT	2023 - 2025
5	Đề án xử lý chất thải rắn	Các Sở TN&MT		2023 - 2025
6	Đề án đo đạc, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai các huyện biên giới	Cục Đăng ký đất đai	Các Sở TN&MT	2023 - 2025
7	Dự án Đầu tư hạ tầng xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia phục vụ xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia và Chính phủ điện tử.	Cục Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý	Các Sở TN&MT	2021 - 2023
8	Xây dựng kế hoạch triển khai cam kết chính trị về chuyển dịch năng lượng công bằng (JETP)	Cục Biến đổi khí hậu	Các Bộ, ngành địa phương	2023

9	Điều tra, khảo sát, phục vụ cảnh báo sớm trượt lở đất đá, lũ quét các khu vực miền núi trung du Việt Nam	Tổng cục KTTV	Cục Địa chất Việt Nam, Cục Khoáng sản Việt Nam và các địa phương	2023 - 2025
10	Điều tra đánh giá trữ lượng và khai thác vật liệu thay thế cát phục vụ san lấp cho các dự án hạ tầng	Cục Địa chất	Cục Khoáng sản Việt Nam và các địa phương	2023 - 2025
11	Tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025	Cục Quản lý tài nguyên nước	Các địa phương	2023 - 2025

**Phụ lục 03. DANH MỤC XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA NĂM 2023**

TT	Tên gọi QCVN	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện	
			Bắt đầu	Kết thúc
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000, 1:10.000	Cục Đo đạc Bản đồ và Thông tin địa lý VN	2023	2024
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy trình thành lập bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000, 1:10.000 từ cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia	Cục Đo đạc Bản đồ và Thông tin địa lý VN	2023	2024
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ hành chính	Cục Đo đạc Bản đồ và Thông tin địa lý VN	2023	2024
4	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đánh giá chất lượng dự báo khí tượng thủy văn	Tổng cục Khí tượng Thủy văn	2023	2024

**Phụ lục 03. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA NĂM 2023**

STT	Tên gọi TCVN	Tổ chức biên soạn	Thời gian thực hiện	
			Bắt đầu	Hoàn thành
1	Tiêu chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Cơ sở dữ liệu đất đai Quốc gia - Yêu cầu về Cơ sở dữ liệu quan trắc ô nhiễm đất đai	Cục Quy hoạch và Phát triển đất	2023	2024
2	Tiêu chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Cơ sở dữ liệu đất đai Quốc gia - Yêu cầu về Siêu dữ liệu đất đai	Cục Đăng ký và dữ liệu đất đai	2023	2024
3	Thông tin địa lý - Dịch vụ đối tượng bản đồ trên web	Cục Chuyển đổi số và dữ liệu tài nguyên và môi trường	2023	2024
4	Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Địa vật lý lỗ khoan – Phần 20: Phương pháp địa chấn thẳng đứng (VSP)	Cục Khoáng sản Việt Nam	2023	2024
5	Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản: Địa vật lý lỗ khoan – Phần 21: Phương pháp xác định ranh giới lớp theo các phương pháp điện từ.	Cục Địa chất Việt Nam	2023	2024
6	Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Địa vật lý lỗ khoan – Phần 22: Phương pháp xác định ranh giới lớp theo các phương pháp phóng xạ.	Cục Địa chất Việt Nam	2023	2024
7	Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Địa vật lý lỗ khoan – Phần 23: Phương pháp xây dựng thiết đồ địa vật lý	Cục Địa chất Việt Nam	2023	2024
8	Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Địa vật lý lỗ khoan – Phần 24: Phương pháp điện từ tần số cao	Cục Địa chất Việt Nam	2023	2024
9	Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Địa vật lý lỗ khoan – Phần 25: Phương pháp kích hoạt phóng xạ	Cục Địa chất Việt Nam	2023	2024
10	Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Địa vật lý lỗ khoan – Phần 26: Phương pháp xác định hàm lượng phóng xạ (K, U, Th) theo phổ gamma	Cục Địa chất Việt Nam	2023	2024

STT	Tên gọi TCVN	Tổ chức biên soạn	Thời gian thực hiện	
			Bắt đầu	Hoàn thành
11	Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản – Phần 1: Phương pháp đo từ biển theo tàu.	Cục Địa chất Việt Nam	2023	2024
12	Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Phần 2 - Phương pháp đo và hiệu chỉnh biến thiên từ biển.	Cục Địa chất Việt Nam	2023	2024
13	Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản: Phần 3 – Phương pháp lập bản đồ dị thường từ biển.	Cục Địa chất Việt Nam	2023	2024
14	Đất, đá quặng đồng - Phần 1: Xác định hàm lượng sắt tổng (TFe) – Phương pháp chuẩn độ bicromat	Cục Địa chất Việt Nam	2023	2024
15	Đất, đá quặng đồng - Phần 2: Xác định Lưu huỳnh (S) – Phương pháp khối lượng	Cục Địa chất Việt Nam	2023	2024
16	Đất, đá quặng đồng - Phần 3: Xác định hàm lượng titan (TiO <sub>2</sub> ) – Phương pháp đo quang	Cục Địa chất Việt Nam	2023	2024
17	Đất, đá quặng đồng - Phần 4: Xác định hàm lượng silic (SiO <sub>2</sub> ) – Phương pháp khối lượng	Cục Địa chất Việt Nam	2023	2024
18	Đất, đá quặng đồng - Phần 5: Xác định hàm lượng canxi (CaO) – Phương pháp chuẩn độ complexon	Cục Địa chất Việt Nam	2023	2024
19	Đất, đá quặng đồng - Phần 6: Xác định hàm lượng magiê (MgO)– Phương pháp chuẩn độ complexon	Cục Địa chất Việt Nam	2023	2024
20	Đất, đá quặng antimon- Phần 1: X xác định hàm lượng antimon (Sb)- phương pháp oxy hóa – khử với chất chuẩn là kali bromat	Cục Địa chất Việt Nam	2023	2024
21	Đất, đá quặng antimon - Phần 2: Xác định hàm lượng lưu huỳnh (S) - phương pháp khối lượng	Cục Địa chất Việt Nam	2023	2024

STT	Tên gọi TCVN	Tổ chức biên soạn	Thời gian thực hiện	
			Bắt đầu	Hoàn thành
22	Đất, đá quặng antimon - Phần 3: Xác định hàm lượng Asen (As) - phương pháp oxy hóa – khử với chất chuẩn là kali bromat	Cục Địa chất Việt Nam	2023	2024
23	Đất, đá quặng antimon - Phần 4: Xác định hàm lượng chì (Pb)- Phương pháp hấp thụ nguyên tử	Cục Địa chất Việt Nam	2023	2024
24	Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Địa vật lý lỗ khoan – Phần 20: Phương pháp địa chấn thẳng đứng (VSP)	Cục Địa chất Việt Nam	2023	2024
25	Quan trắc KTTV - Phần 18: Điều tra lũ vùng sông không ảnh hưởng thủy triều	Tổng cục Khí tượng thủy văn	2023	2024
26	Công trình quan trắc KTTV - Phần 7: Bảo quản, bảo dưỡng công trình và phương tiện quan trắc KTTV	Tổng cục Khí tượng thủy văn	2023	2024
27	Điều tra Địa chất biển ven bờ (0-30 m nước) tỷ lệ 1:100.000 - 1:50.000 - Phần 1. Yêu cầu chung	Cục Địa chất Việt Nam		
28	Điều tra Địa chất đới biển nông ven bờ (0-30 m nước) tỷ lệ 1:100.000 -1:50.000 - Phần 3. Tìm kiếm khoáng sản - Yêu cầu kỹ thuật	Cục Địa chất Việt Nam	2023	2024
29	Điều tra Địa chất biển ven bờ (0-30 m nước) tỷ lệ 1:100.000 -1:50.000 - Phần 4. Các dạng công tác nghiên cứu chuyên đề - Yêu cầu kỹ thuật	Cục Địa chất Việt Nam	2023	2024
30	Điều tra Địa chất biển ven bờ (0-30 m nước) tỷ lệ 1:100.000 -1:50.000 - Phần 5. Công tác chuẩn bị lập đề án - Yêu cầu kỹ thuật	Cục Địa chất Việt Nam	2023	2024
31	Điều tra Địa chất về tài nguyên khoáng sản rạn đới biển nông ven bờ (0-30 m nước) tỷ lệ 1:100.000 -1:50.000 - Phần 6. Công tác thực địa - Yêu cầu kỹ thuật	Cục Địa chất Việt Nam	2023	2024
32	Điều tra Địa chất đới biển nông ven bờ (0-30 m nước) tỷ lệ 1:100.000 -1:50.000 - Phần 7. Công tác văn phòng - Yêu cầu kỹ thuật	Cục Địa chất Việt Nam	2023	2024

STT	Tên gọi TCVN	Tổ chức biên soạn	Thời gian thực hiện	
			Bắt đầu	Hoàn thành
33	Điều tra Địa chất biển ven bờ (0-30 m nước) tỷ lệ 1:100.000 - 1:50.000- Phần 8. Các tài liệu báo cáo kết quả điều tra cơ bản- Yêu cầu kỹ thuật	Cục Địa chất Việt Nam	2023	2024
34	Điều tra Địa chất biển ven bờ (0-30 m nước) tỷ lệ 1:100.000 -1:50.000 - Phần 9. Quy trình thi công khoan biển bằng giàn khoan tự nâng GKB-02	Cục Địa chất Việt Nam	2023	2024